| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN VỊ THỦY**<br>**TỈNH HẬU GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 3 - 2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phạm Văn Hùng.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Đặng Văn Côn, bà Nguyễn Thị Tua.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Thanh Điền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên toà:*** Bà Lê Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 262/2023/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Anh Đỗ Quang Đ, sinh năm 1972; nơi cư trú: Số A, kênh T, phường P, quận T, Tp Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

*Bị đơn*: Chị Nguyễn Thúy A, sinh năm 1980; nơi cư trú: Ấp C, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang (Vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29/9/2023, nguyên đơn anh Đỗ Quang Đ trình bày: Vào năm 2010, qua quen biết và tìm hiểu nên giữa anh Đ với bị đơn là chị Nguyễn Thúy A tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn; anh chị sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống. Do đó, anh Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bị đơn. Về con chung: giữa anh Đ với chị A có 01 con chung tên Đỗ Trọng Đ1, sinh ngày 22/3/2010 hiện nay đang sống với chị A,

khi ly hôn con theo ai người đó nuôi dưỡng, anh Đ cấp dưỡng theo quy định. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình thu thập chứng cứ, bị đơn chị Nguyễn Thúy A đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không lý do, cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cháu Đỗ Trọng Đ1 do chị A đang nuôi dưỡng, hiện tại không có mặt tại nơi cư trú nên không ghi nhận được nguyện vọng của cháu Đ1 muốn sống với cha hoặc mẹ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, cũng như ý thức chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng pháp luật, bị đơn chấp hành không đúng pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Đỗ Quang Đ với chị Nguyễn Thúy A được ly hôn; về con chung tiếp tục giao cho chị A nuôi dưỡng, anh Đ chưa phải cấp dưỡng; về nợ chung và tài sản chung không có, nên không xem xét. Án phí đương sự phải nộp theo quy định; kiến nghị khắc phục vi phạm: không có.

Tình tiết, sự kiện các bên đã thống nhất, không thống nhất: Không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Áp dụng pháp luật về tố tụng.

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn chị Nguyễn Thúy A có địa chỉ cư trú tại ấp C, xã V, huyện V. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, để xác định quan hệ tranh chấp thuộc trường hợp: "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[1.2] Về xét xử vắng mặt các đương sự: Chị Nguyễn Thúy A, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt không lý do, cũng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; vào ngày 06/11/2023 anh Đỗ Quang Đ có đơn xin vắng mặt trong suốt thời gian giải quyết, xét xử vụ án. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Áp dụng pháp luật về nội dung: Vào năm 2010, giữa anh Đỗ Quang Đ với chị Nguyễn Thúy A xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn, nên áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và năm 2014, để giải quyết.

[3] Về hôn nhân: Thời điểm anh Đ với chị A đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh thì anh chị đã đủ điều kiện về đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình

năm 2000, nên hôn nhân giữa anh chị được pháp luật bảo vệ. Anh chị sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống; theo biên bản xác minh ngày 02/11/2023 được chính quyền địa phương cung cấp: nguyên nhân mâu thuẫn chính quyền địa phương không rõ. Xét thấy, thời gian vợ chồng ly thân đã lâu, các bên không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau nữa, mẫu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của anh Đ là có căn cứ.

[4] Về con chung: Giữa anh Đ với chị A có 01 con chung tên Đỗ Trọng Đ1, sinh ngày 22/3/2010, hiện nay do chị A đang nuôi dưỡng; quá trình giải quyết vụ án, chị A không có mặt tại địa phương nên không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung; cháu Đ1 cũng không có mặt tại địa phương nên không ghi nhận ý kiến (nguyện vọng) của cháu Đ1. Theo lời khai anh Đ thì cháu Đ1 hiện do chị A đang nuôi dưỡng, để ổn định về sinh hoạt và học tập của cháu Đ1, Toà án tiếp tục giao cháu Đ1 cho chị A nuôi dưỡng là có căn cứ.

[5] Về cấp dưỡng: Theo đơn khởi kiện, anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định, nhưng không nêu rõ mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nên không ghi nhận sự tự nguyện của anh Đ. Tuy nhiên, phía chị A đang nuôi dưỡng con chung nhưng không có ý kiến hoặc yêu cầu cấp dưỡng và mức cấp dưỡng. Do đó, Toà án chưa xem xét, sau khi ly hôn nếu việc nuôi dưỡng con chung gặp khó khăn, chị A có quyền yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng bằng một vụ án khác.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Theo đơn khởi kiện, anh Đ khẳng định về nợ chung và tài sản chung: không có nên không đề cập đến.

[7] Về án phí: Do anh Đ là nguyên đơn trong vụ án. Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự thì anh Đ phải chịu án phí. Do đó, ý kiến của Kiểm sát viên đề xuất hướng giải quyết vụ án là có căn cứ.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự được kháng cáo theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Căn cứ**: các Điều 5, 6, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 95, Điều 97, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14: Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Áp dụng**: các Điều 9, 11, 89, 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 57, 81, 82, 83, 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

**Tuyên xử**: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Quang Đ.

1. *Về hôn nhân*: Cho anh Đỗ Quang Đ với chị Nguyễn Thúy A được ly hôn.

2. *Về con chung*: Tiếp tục giao cháu Đỗ Trọng Đ1, sinh ngày 22/3/2010 cho chị Nguyễn Thúy A nuôi dưỡng. Anh Đỗ Quang Đ chưa phải cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về nợ chung và tài sản chung*: Không có, nên không đề cập đến.

4. *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Anh Đỗ Quang Đ phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Phiếu thu số 43/2024 ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Anh Đ đã nộp xong.

5. *Quyền kháng cáo*: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- UBND phường Phú Trung, q.Tân Phú, Tp Hồ Chí Minh (nơi Đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP;
- Cổng TTĐT (để công bố);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Hùng**